TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145**/2022/HS-ST
Ngày: 13-4-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi;

2. Ông Trần Công Danh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 99/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 341/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Trần Đức L**; Tên gọi khác: Vũ Đức L; Giới tính: Nam; Sinh năm 1987, tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ, đảng phái: Không; Họ và tên cha: Vũ Đức L, sinh năm 1959 (còn sống); Họ và tên mẹ: Cao Thị T, sinh năm 1959 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo có vợ tên Nông Thị V, sinh năm 1992, có 01 người con sinh năm 2012; Tiền án: Năm 2006, bị Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, xử phạt 05 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 39/HSST ngày 26/9/2006; Năm 2016, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 16/HSST ngày 11/01/2016; Năm 2018, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 368/HSST ngày 25/10/2018; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 26/10/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà (có mặt).

*** Bị hại:**

- Anh Đỗ Viết P, sinh năm 1996.

Địa chỉ: E200/1, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 68A/5, tổ A, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Lần 1: Trần Đức L là đối tượng đã từng có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản nay lại tiếp tục lần lượt phạm tội cụ thể: Khoảng 05 giờ ngày 28/7/2021, L đi bộ đến dãy nhà trọ tại địa chỉ số E200/1, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B thì nhìn thấy phòng trọ của anh Đỗ Viết P, sinh năm 1996, ở xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá, đang thuê trọ tại phòng số 05 khoá cửa ngoài nên L liền lấy chiếc tua vít mang theo để phá ổ khoá cửa phòng. Sau khi mở được ổ khoá cửa phòng thì L đi vào trong thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 36B7-609.14 của anh P, đang để trong phòng nhưng trên xe không có chìa khoá nên L lục trong phòng tìm chìa khoá để mở thì thấy có 03 chùm chìa khoá để trên gác cạnh chỗ ngủ của anh P, nên L lấy xuống mở thử thì xe mở được và L liền dắt xe đi ra ngoài chạy về nhà của L để cất giấu. Đến ngày 29/7/2021, thì L bị phát hiện xử lý. Tại Cơ quan điều tra L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 36B7-609.14, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biền Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh P là chủ sở hữu.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biền Hòa đang tạm giữ 01 chiếc tua vít là công cụ L sử dụng để phạm tội.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 396 ngày 25/9/2021 của hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hoà kết luận: "01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 36B7-609.14 có giá trị là 42.750.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về dân sự: Anh Đỗ Viết P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường;

Lần 2: Khoảng 16 giờ ngày 25/10/2021, anh Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1991 ở 68A/5, tổ 4, khu phố 12, phường An Bình, thành phố Biên Hòa đang đỗ xe ô tô biển số 60M-5350 ở ngoài lề đường gần nhà của L. Do L mới sử dụng ma tuý, không còn tỉnh táo nên khi thấy xe ô tô của anh P1 thì L đã lập tức lấy 01 bình ga mini, có gắn dụng cụ khò ga lửa rồi đi đến chỗ xe anh P1 và dùng bình khò lửa đốt cháy làm hư hỏng sơn capo, sơn mặt galang, sơn xương ngang trên két nước, nẹp xi capo, mặt galang, dây kéo mỏ capo xe ô tô biển số 60M-5350 của anh P1 thì bị anh P1 và anh Trịnh Văn Hướng, sinh năm 1975, ở nhà số E995, tổ 13B, khu phố 5A, phường Long Bình, chị Đậu Thị Thành, sinh 2002, ở tổ 14, khu phố 5A, phường Long Bình phát hiện báo Công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đang tạm giữ 01 bình gas mini, 01 bộ dụng cụ khò gas là công cụ L sử dụng để phạm tội.

- 01 xe ô tô biển số 60M-5350 đã bị hư hỏng gồm Sơn capo, sơn mặt galang, sơn xương ngang trên két nước, nẹp xi capo, mặt galang, dây kéo mỏ capo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản và không thu giữ.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 448 ngày 02/11/2021 của hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hoà kết luận: "sơn capo, sơn mặt galang, sơn xương ngang trên két nước, nẹp xi capo, mặt galang, dây kéo mỏ capo xe ô tô biển số 60M-5350 có tổng giá trị là 4.545.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)".

Về dân sự: Anh Nguyễn Ngọc P1 yêu cầu L bồi thường số tiền 11.050.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), hiện L chưa bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 108/CT-VKSBH-HS ngày 15/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Đức L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm g khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Đức L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 02 năm đến 02 năm 02 tháng về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo L có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

3. Lời nói sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại anh Nguyễn Ngọc P1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị hại anh Đỗ Viết P mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, lời khai của họ đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Những chứng cứ xác định có tội: Quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 05 giờ ngày 28/7/2021, tại địa chỉ số E200/1, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, Trần Đức L đã có hành vi trộm cắp của anh Đỗ Viết P 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 36B7-609.14, có giá trị là 42.750.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và ngày 25/10/2021, tại khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, L lại tiếp tục có hành vi dùng bình khò lửa đốt cháy làm hư hỏng sơn capo, sơn mặt galang, sơn xương ngang trên két nước, nẹp xi capo, mặt galang, dây kéo mở capo xe ô

tô biển số 60M-5350 của anh Nguyễn Ngọc P1 có giá trị tài sản là 4.545.000 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)" thì bị phát hiện xử lý.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Trần Đức L phạm tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm g khoản 2 Điều 173 và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 108/CT-VKSBH-HS ngày 15/02/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo là người không có nghề nghiệp, biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- Về nhân thân: Bị cáo Trần Đức L có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi "Trộm cắp tài sản" nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo L để đảm bảo sự nghiêm minh của phát luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tua vít, 01 bình gas mini, 01 bộ dụng cụ khò gas là công cụ L sử dụng để phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 36B7-609.14, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh P - chủ sở hữu là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 xe ô tô biển số 60M-5350 đã bị hư hỏng gồm sơn capo, sơn mặt galang, sơn xương ngang trên két nước, nẹp xi capo, mặt galang, dây kéo mỏ capo, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản và không thu giữ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

[4.1] Bị hại anh Nguyễn Ngọc P1 yêu cầu L bồi thường số tiền 11.050.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo L cũng đồng ý bồi thường cho anh P1 số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.2] Bị hại anh Đỗ Viết P đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Trần Đức L phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Đức L 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Tổng hợp hình phạt của 02 tội,

buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 10 năm 2021.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Đức L bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc P1 số tiền 11.050.000 đồng (Mười một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Ngọc P1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Đức L chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tua vít, 01 bình gas mini, 01 bộ dụng cụ khò gas là công cụ L sử dụng để phạm tội.

Vật chứng này hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17 tháng 02 năm 2022.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Đức L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 552.500 đồng (năm trăm năm mươi hai ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ

ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hòa